

Bản án số: 46 /2023/DS-PT

Ngày: 23/6/2023

“V/v Tranh chấp đòi lại đất lấn chiếm, Yêu cầu hủy các quyết định: thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, thoái thu tiền, Yêu cầu thu hồi đất, Yêu cầu thu hồi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Thanh

**Các Thẩm phán: ông Trần Quang Cường
bà Nguyễn Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và 23 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về *“Tranh chấp đòi lại đất lấn chiếm, yêu cầu hủy các quyết định: thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, thoái thu tiền, yêu cầu thu hồi đất, yêu cầu thu hồi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐ-PT ngày 17/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐ-PT ngày 29/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn L - sinh năm: 1966 và Bà Đỗ Thị H - sinh năm: 1966; Cùng ĐKKHKT tại: thôn 5, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh. Bà H có mặt, ông L có mặt ngày 22/6/2023 và vắng mặt ngày 23/6/2023.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H: Ông Nguyễn Văn M - sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn 9, CN, TT, Hà Nội. Có mặt ngày 22/6/2023 và vắng mặt ngày 23/6/2023.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị H: Ông Lê Đình V - sinh năm 1978, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MT, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Thôn 9, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội – Có mặt ngày 22/6/2023 và vắng mặt ngày 23/6/2023

- Bị đơn:

+ Ông Lê Quốc N - sinh năm: 1956; Địa chỉ: thôn 7, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

+ Ông Lê Văn N1 – sinh năm: 1969; Địa chỉ: thôn 4, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt ngày 22/6/2023 và vắng mặt ngày 23/6/2023.

+ Ông Phạm Tuấn X – Sinh năm 1943; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ(đã chết).

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phạm Tuấn X:

+ Bà Nguyễn Thị M1 - sinh năm 1946; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Chị Phạm Thị X1 - sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh (đã chết).

+ Chị Phạm Thị H1 - sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn 7, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Anh Phạm Đức T - sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của chị Phạm Thị X1:

+ Ông Nguyễn Thanh T1 – sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn TN – sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn TT- sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn MH – sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt.

- Đại diện theo Ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn TN, Chị Nguyễn TT, anh Nguyễn MH, anh Phạm Đức T, chị Phạm Thị H1: Bà Nguyễn Thị M1

- sinh năm 1946; Địa chỉ: Khu 2, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện VĐ; Địa chỉ: Khu 5, thị trấn CR, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê CT – Chức vụ: Phó giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ).

+ Ủy ban nhân dân xã HL huyện VĐ- Địa chỉ: thôn 7, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương VN – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ).

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H

Kháng nghị: Viện trưởng VKSND huyện VĐ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn – Ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H đều thống nhất trình bày: Ngày 30/5/1990, UBND huyện Cẩm Phả (nay là UBND huyện VĐ) ban hành Quyết định về việc giao đất sử dụng vào mục đích phát triển và nuôi trồng thủy sản đối với diện tích 50 ha tại khu vực thôn 1, xã HL, giao cho Tổ hợp nuôi trồng thủy sản II thuộc Hợp tác xã Vĩnh Thắng quản lý, sử dụng. Năm 1991, Hợp tác xã Vĩnh Thắng và Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội thuộc Bộ thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) tiến hành việc hợp tác liên doanh thành lập Xí nghiệp liên doanh nuôi trồng thủy sản CR để quản lý sử dụng khai thác diện tích 50ha nói trên.

Trong quá trình quản lý sử dụng diện tích đã nêu, Xí nghiệp liên doanh nuôi trồng thủy sản không xử lý được đề ngăn chặn nên đã bị thiệt hại về kinh tế.

Năm 1993, Bộ thủy sản có chủ trương giải thể Trung tâm liên doanh nuôi trồng thủy sản Hà Nội và giải thể Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản CR nên đã có văn bản đề nghị UBND huyện Cẩm Phả cho phép Công ty Xuất nhập khẩu Hà Nội thanh lý tài sản để thu hồi vốn. UBND huyện Cẩm Phả đã chấp nhận đề nghị này.

Ngày 12/11/1993, vợ chồng ông bà L – H có đơn xin mua đầm nuôi trồng thủy sản tại khu vực XK, xã HL và được thường trực Bí thư của ban thanh lý, Công ty xuất nhập khẩu Hà Nội xác nhận ngày 03/12/1993.

Ngày 04/12/1993, ông L và đại diện Ban thanh lý của Công ty xuất nhập khẩu Hà Nội đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản thanh lý tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL theo hiện trạng thực tế được khảo sát với giá thanh toán là 5.000.000

đồng. Cùng ngày, ban thanh lý tài sản của Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội đã lập biên bản bàn giao tài sản gồm:

1. Đầm nuôi theo thực trạng hiện hành tổng diện tích XD là 10ha. Diện tích sử dụng là 07 ha. Phía đông giáp khu vực ruộng lúa canh tác xã HL. Phía Bắc giáp mương thoát nước cống tiêu xã HL. Phía Nam giáp biển. Phía Tây giáp biển (có sơ đồ kèm theo).

2. Nhà ở gồm 01 nhà năm gian lợp ngói đang sử dụng + 01 bếp + 01 bể chứa nước nhà vệ sinh. Hiện tại nhà bếp phải sửa chữa mới sử dụng được.

3. Trang bị TS khu vực nuôi tôm: Có biên bản chi tiết.

4. Hồ sơ bàn giao gồm: 01 sơ đồ tổng thể mặt bằng XD ao nuôi + 02 sơ đồ gốc dự án quy hoạch; 02 biên bản chuyển nhượng tài sản; 01 Hợp đồng mua bán; 01 văn bản đề nghị của ông L được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 01 văn bản công ty XNKHN được huyện phê duyệt ngày 15/01/1993; 01 văn bản của huyện về xử lý đề ngăn mặn HL”.

Ngày 03/01/1994, ông bà L – H hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và đã nộp lệ phí trước bạ nhà đất với số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng, ông bà đã tiến hành đắp bờ bao quanh khu đầm để sử dụng, khai thác; Ngày 04/01/1994, ông bà đã làm đơn gửi UBND xã HL xin được củng cố đường xuống khu vực đầm tôm XK, xã HL. Ngày 07/01/1994, Chủ tịch UBND xã HL đã ký xác nhận đồng ý đề nghị của ông bà, trong đó có vẽ sơ đồ kèm theo trong đơn xác nhận. Theo các tài liệu trên, phần diện tích gia đình ông bà nhận thanh lý gồm: 10 ha theo sơ đồ mặt bằng khu vực ao nuôi tôm tỷ lệ 1/1000 đo đạc năm 1988 – 1989 của Bộ thủy sản và phần diện tích nhà ở, bếp, nhà vệ sinh, vườn tạp chưa xác định được diện tích trên thực địa. Do quá trình đắp đề ngăn mặn khó khăn nên ông bà căn cứ vào bản vẽ mặt bằng và so sánh mốc giới với 07 cây cột điện cao thế để quản lý, sử dụng thửa đất đầm đã nhận chuyển nhượng.

Ngày 19/9/2002, UBND huyện VĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R057094 cho ông bà. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích ông bà L – H được cấp là 70.000.000 m² bằng 07 ha gồm 400m² đất ở và 69.600m² đất nuôi trồng thủy sản. Đối chiếu với sơ đồ mặt bằng tỷ lệ 1/1000, Hợp đồng thanh lý tài sản ngày 04/12/1993, Biên bản bàn giao tài sản ngày 04/12/1993, Đơn xác nhận của UBND xã HL ngày 07/01/1994 thì ông bà nhận thấy UBND huyện VĐ đã cấp thiếu phần diện tích đất đầm của ông bà. Cụ thể: Giấy CNQSDĐ của UBND huyện VĐ đã cấp cả 02 phần diện tích đất đầm và phần diện tích nhà ở, nhà vệ sinh, bếp và vườn tạp cho ông bà; Tổng diện tích ông bà được cấp là 07 ha trong đó phần diện

tích nhà ở, bếp, bể chứa nước là 400m^2 ở tại mục 01 + 11.600m^2 đất nuôi trồng thủy sản tại mục 02 là $12.000.000\text{ m}^2$; Phần diện tích đất đầm tại mục 03 chỉ là 58.000 m^2 ; Như vậy, phần diện tích đất đầm của gia đình ông bà bị UBND huyện VĐ cấp thiếu trong tổng diện tích 10ha đã được Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản bàn giao là $100.000 - 58.000 = 42.000\text{m}^2$.

Quá trình phát sinh tranh chấp phần diện tích đất còn thiếu của ông bà L – H với các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1:

Ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H cho rằng: Ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 đã cấu kết để lập không hồ sơ khai hoang diện tích 07ha đất đầm trong đó chính là phần diện tích đất đầm còn thiếu của gia đình ông bà. Cụ thể:

- Năm 1990, ông Lê Quốc N là phó chủ nhiệm Hợp tác xã Vĩnh Thắng ký Biên bản ngày 17/12/1990 với XNLD nuôi trồng thủy sản CR để thi công đầm nuôi tôm, đắp đê bị sóng biển đánh vỡ.

- Năm 1991, ông Phạm Tuấn X là người thi công kè đê cho XNNT thủy sản CR theo Biên bản bàn giao đá ngày 03/01/1991.

Như vậy, các ông N, ông X, ông N1 không thể cho rằng diện tích 07 ha là đất hoang hóa vì thời điểm đó, diện tích 07 ha nằm trong diện tích 50 ha UBND huyện VĐ giao lại cho Xí nghiệp Liên doanh NTTS CR quản lý.

Cũng trong năm 1991, các ông N, X, N1 có khai hoang chung một thửa đất đầm. Sau đó thửa đất này đã bán lại cho ông Nguyễn Văn Q. Ông Q đã được UBND huyện VĐ thu hồi đất và bồi thường theo quy định.

Từ những căn cứ trên, ông bà L – H khẳng định các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 không còn diện tích đất nào tại khu vực tranh chấp.

Tuy nhiên, các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến phần diện tích $64.972,41\text{ m}^2$ đất đầm tranh chấp của gia đình ông bà từ 2009 đến nay gồm các khoản sau:

Số tiền 664.108.000 đồng theo Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ.

- Số tiền 566.228.000 đồng thoái vốn Ngân sách Nhà nước theo Quyết định số 3503/QĐ – UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ.

- Số tiền 4.352.153.000 đồng theo Quyết định số 2245/QĐ – CT ngày 05/5/2017 của UBND huyện VĐ.

- Tổng số tiền các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 nhận bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến phần diện tích $64.972,41\text{m}^2$ đất tranh chấp với gia đình ông bà Hoàng Văn L, Đỗ Thị H là 5.582.489.000 đồng.

Ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H yêu cầu:

- Yêu cầu các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn L và Đỗ Thị H diện tích khoảng 05 ha đất đầm nuôi trồng thủy sản thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95 tờ bản đồ số 05 tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐ hủy bỏ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 gồm: Quyết định số 601/QĐ –UBND ngày 18/5/2009 của UBND huyện VĐ thu hồi diện tích 64.972,41m² của hộ ông Phạm Tuấn X; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 kèm theo danh sách các hộ gia đình được bồi thường; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ về việc thoái thu số tiền 566.228.000 đồng đã thu về Ngân sách Nhà nước; Quyết định số 3504/QĐ ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Văn Đồn thu hồi các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 liên quan đến phần diện tích đầm đã nêu trên của gia đình ông bà L – H.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đầm nêu trên của gia đình ông bà đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn - Ông Lê Quốc N có các lời khai tại Tòa án như sau: Năm 1990 xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Hà Nội xin cấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản, trên cơ sở của sơ đồ được vẽ năm 1988. Cuối năm 1990, UBND xã HL cùng với hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thắng đồng ý cấp 05ha cho xí nghiệp NTTS Hà Nội, có ranh giới: Phía Tây Bắc giáp với ruộng nông nghiệp của HTX, phía Tây Nam giáp đường ngõ đi xuống biển, phía đông Bắc giáp công tiêu úng Hai Luồng (ông không nhớ số QĐ). Từ năm 1991 đến 1993 xí nghiệp NTTS Hà Nội tiến hành thi công công trình đắp đê làm ao, phía Đông Bắc đắp một đường đê xung quanh, cách công Hai Luồng 30m. Năm 1993 xí nghiệp NTTS Hà Nội bán thanh lý cho ông L là chồng bà Đỗ Thị H 05ha.

Tháng 4/1991, ông cùng ông N1 và ông X tiến hành đắp đầm nuôi trồng thủy sản, trên cơ sở khai hoang đất bãi bồi khoảng 07ha (trong đó có 01ha làm công tiêu nước). Năm 1992 ông xin được cấp vốn và được UBND huyện Cẩm Phả (nay là

huyện VĐ) cấp vốn là 43.000.000đ để ngăn ao, xây cống. Năm 1995, ông làm đơn đề nghị được cấp phép nuôi trồng thủy sản và giải trình về việc khai hoang 07ha từ năm 1991. Cả 3 người gồm ông N, ông N1, ông X tiến hành nuôi trồng thủy sản đến năm 2008 thì UBND huyện VĐ thu hồi toàn bộ 07ha để thực hiện dự án là sân golf. Từ năm 1991 đến năm 2008 là thời điểm bị thu hồi, các ông không hề phát sinh tranh chấp với ông L, Bà H. Từ năm 2018 đến nay Bà H mới phát sinh tranh chấp với ông, ông N1 và ông X. Ông khẳng định diện tích 6,4ha bà Đỗ Thị H yêu cầu không nằm trong diện tích 07ha của ông, ông N1, ông X. Việc tranh chấp giữa các ông với Bà H, ông L đã được UBND xã HL, UBND huyện VĐ và UBND tỉnh Quảng Ninh tiến hành hoà giải. Qua các lần hoà giải không thể hiện các ông có sai phạm gì. Năm 2008, UBND huyện có phương án bồi thường. Do cả 3 gia đình khiếu nại nên Năm 2009 cả ba ông N, ông X, ông N1 được bồi thường lần 1 đến năm 2018 được nhận lần 2 tổng cộng là hơn 4.000.000.000 đồng.

Quan điểm của ông N: Không chấp nhận yêu cầu trả lại cho ông L, Bà H 6,4ha đất.

Bị đơn – Ông Lê Văn N1 có các lời khai tại Tòa án như sau: Ông đồng ý nhất trí với lời trình bày của ông Lê Quốc N. Ông N1 bổ sung thêm các nội dung sau: Từ tháng 8/1991, ông và các ông N, ông X tiến hành nuôi tôm Sú. Trong suốt 15 năm từ 1993 đến 2008 là thời điểm Nhà nước thu hồi đất không ai khiếu kiện gì. Số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, do UBND huyện VĐ giữ lại trong cả hai đợt bồi thường là do ông chưa cung cấp được giấy hồi hương cho Ban giải phóng mặt bằng chứ không phải do tranh chấp với Bà H như nguyên đơn khai.

** Đại diện theo Ủy quyền của Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phạm Tuấn X - bà Nguyễn Thị M1 trình bày:* Bà xác nhận và nhất trí với lời trình bày của các ông N, ông N1 và không có ý kiến gì khác.

Người kế thừa Quyền và nghĩa vụ của Bà Phạm Thị X1: gồm các ông Nguyễn Thanh T1, Bà Nguyễn TN, bà Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn MH có lời khai tại Tòa án thể hiện: Ông Nguyễn Thanh T1 là chồng của bà Phạm Thị X1; bà THN, bà TT, ông H1 đều là các con của bà X1. Bà TN hiện đang làm việc tại New ZeaLand, ông Hùng hiện đang làm việc tại Hàn Quốc. Các ông bà đã được giải thích quyền và nghĩa vụ và tư cách tham gia tố tụng. Tất cả đều ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị M1 và đều có quan điểm như trình bày của bà Nguyễn Thị M1 có tại Hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Đại diện theo Ủy quyền của UBND xã HL - Ông Dương VN có lời khai tại Tòa án như sau:

- Về nguồn gốc sử dụng đất của ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H:

+ Ngày 08/01/1993, Ban thanh lý nuôi trồng thủy sản CR có văn bản xin thanh lý và chuyển nhượng một số tài sản gồm: Tại khu đầm Đông Xá diện tích 03ha; Khu vực đầm nuôi XK, xã HL là 05 ha được UBND huyện Cẩm Phả đồng ý

+ Ngày 12/11/1993, gia đình ông Hoàng Văn L có đơn xin mua thanh lý đầm nuôi trồng thủy sản khu vực Hòn XK, xã HL của xí nghiệp NTTS CR (thuộc Công ty xuất nhập khẩu Hà Nội) được UBND xã HL chứng nhận và Thường trực ban thanh lý đồng ý. Ngày 04/12/1993, Ban thanh lý xí nghiệp NTTS CR và ông Hoàng Văn L ký Hợp đồng chuyển nhượng thanh lý tài sản. Cùng ngày, hai bên lập biên bản bàn giao tài sản khu vực đầm XK, xã HL gồm: Đầm nuôi theo thực trạng hiện hành tổng diện tích xây dựng 10ha, diện tích sử dụng 07 ha nhà ở gồm 01 nhà 05 gian lợp mái ngói, 01 nhà bếp 01 bể chứa nước.

+ Ngày 03/01/1994, ông Hoàng Văn L làm tờ khai chuyển dịch tài sản và nộp lệ phí trước bạ với cơ quan thuế.

+ Ngày 19/9/2002, UBND huyện Cẩm Phả cấp giấy CNQSDĐ cho ông L tại vị trí đầm nuôi trồng thủy sản CR bàn giao tháng 12/1993 với diện tích 70.000 ha; trong đó có 400m² đất ở và 69.600m² đất nuôi trồng thủy sản, thời hạn sử dụng 20 năm.

+ Năm 2009, bà Đỗ Thị H có đơn đề nghị cấp giấy CNQSDĐ với diện tích 10ha gửi đến UBND huyện VĐ. Ngày 14/7/2009, UBND huyện VĐ có QĐ số 1087/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại đề nghị cấp đủ 10ha đất nuôi trồng thủy sản.

+ Ngày 28/10/2009, UBND Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3337/QĐ-UBND về việc “Giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị H (chồng là Hoàng Văn L). UBND Tỉnh Quảng Ninh đã nhận định: Hộ gia đình bà Đỗ Thị H không đưa ra được chứng cứ về nguồn gốc sử dụng với tổng diện tích 10ha đất nuôi trồng thủy sản ngoài bản thanh lý hợp đồng ngày 04/12/1993, Biên bản bàn giao tài sản khu vực đầm nuôi trồng thủy sản tại hòn XK, xã HL và sơ đồ mặt bằng khu vực ao nuôi đo vẽ năm 1988 được đóng dấu của Viện nghiên cứu thủy sản.

- Về nguồn gốc sử dụng đất của các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1:

+ Ngày 02/10/1995, ông Lê Quốc N có đơn xin nuôi trồng thủy sản, được UBND xã HL xác nhận ngày 20/10/1995.

+ Ngày 14/4/2008, UBND xã HL có biên bản làm việc và kết luận: Ông Phạm Tuấn X làm đầm từ năm 1991 và có bản chứng nhận nhà đất nuôi trồng thủy sản diện tích 07 ha. Ngày 17/4/2008, UBND xã HL có báo cáo số 08/BC UBND về việc

xác định nguồn gốc đất của ông Phạm Tuấn X có nội dung “Hộ ông Phạm Tuấn X làm đầm từ năm 1991 đến năm 1995 được UBND xã HL xác nhận không có tranh chấp từ trước đến nay. Diện tích do ông N, ông N1, ông X chung vốn để sản xuất là 07ha.

+ Ngày 12/5/2008, UBND xã HL xác nhận việc Ủy quyền của ông Lê Quốc N và Lê Văn N1 cho ông Phạm Tuấn X toàn quyền giao dịch giải quyết cùng ban bồi thường GPMB huyện VĐ kiểm đếm đền bù toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất nuôi trồng thủy sản.

Như vậy, nội dung tranh chấp đất đai giữa ông L Bà H với các ông N, ông N1, ông X đã được UBND huyện VĐ và UBND Tỉnh Quảng Ninh giải quyết tại các Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 14/7/2009 của UBND huyện VĐ và Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND Tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, việc ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H yêu cầu ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 phải trả cho gia đình ông L, Bà H diện tích khoảng 05 ha đất đầm thuộc các thửa số 92, 93, 94, 95 tờ bản đồ số 05 tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL, huyện VĐ là không có cơ sở.

- Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 601/QĐ – UBND ngày 18/5/2009, Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009, Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/10/2018, Quyết định số 3504/QĐ ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ:

Trên cơ sở nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 và các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, UBND huyện VĐ đã ban hành các Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường. Cụ thể như sau:

+ Ngày 26/3/2009, UBND huyện VĐ ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (giai đoạn 1) dự án xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã HL, huyện VĐ, trong đó có trường hợp ông Phạm Tuấn X”.

+ Ngày 18/5/2009, UBND huyện VĐ ban hành Quyết định số 601/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Tuấn X để thực hiện dự án xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí của Công ty TNHH Liên doanh 167 – Việt Nam tại khu vực Ao Tiên, xã HL, huyện VĐ”; Trong đó, diện tích thu hồi 64.972,41m².

+ Ngày 15/10/2009, UBND huyện VĐ ban hành Quyết định số 1585/QĐ – UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB (Bổ sung giai đoạn 1) dự

án xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã HL, huyện VĐ, trong đó có trường hợp ông Phạm Tuấn X”.

+ Ngày 10/5/2017, UBND Tỉnh Quảng Ninh có văn bản số 3222/UBND-QLĐĐ1 “ Về việc bồi thường, GPMB đối với hộ ông Phạm Tuấn X, Lê Văn N1, Lê Quốc N tại dự án xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại huyện VĐ”; Trong đó, UBND Tỉnh cho phép UBND huyện VĐ bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ gia đình các ông Phạm Tuấn X, Lê Văn N1, Lê Quốc N theo hạn mức giao đất nuôi trồng thủy sản của từng hộ gia đình, cá nhân.

+ Ngày 02/10/2018, UBND huyện VĐ ban hành Quyết định số 3503/QĐ – UBND về việc thoái thu số tiền đã thu về Ngân sách Nhà nước đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Phạm Tuấn X thuộc dự án xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã HL, huyện VĐ tại Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ và Quyết định số 3504/QĐ- UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, Lê Văn N1, Phạm Tuấn X tại thôn 4, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án xây dựng quần thể sân Golf, khách sạn 5 sao, khu nghỉ dưỡng cao cấp và dịch vụ giải trí tại khu vực Ao Tiên, xã HL, VĐ”

+ Ngày 23/10/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện VĐ đã thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các ông Lê Quốc N, Lê Văn N1, và đại diện hộ ông Phạm Tuấn X (bà Nguyễn Thị M1) theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ.

Quan điểm của UBND xã HL, huyện VĐ: Ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên là không có cơ sở.

Mặt khác, Các quyết định trên là Quyết định hành chính do UBND huyện VĐ ban hành. Do vậy căn cứ khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Từ các căn cứ nêu trên, các yêu cầu của ông Hoàng Văn L và Đỗ Thị H yêu cầu UBND huyện VĐ thu hồi lại các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB đã chi trả cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 là không có cơ sở.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Đại diện theo Ủy quyền của UBND huyện VĐ có lời khai tương tự như lời khai của đại diện theo Ủy quyền của UBND xã HL về nguồn gốc đất của hộ gia đình ông L, Bà H như đã nêu ở trên. Căn cứ vào các tài liệu do UBND xã HL cung cấp, UBND huyện VĐ đã ban hành các

Quyết định số 601/QĐ –UBND ngày 18/5/2009, Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009, Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/10/2018, Quyết định số 3504/QĐ ngày 02/10/2018. Quan điểm của đại diện UBND huyện VĐ: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện VĐtiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo sự chỉ dẫn của bà Đỗ Thị H và ông Lê Quốc N.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp có dấu hiệu bị đơn đã có hành vi chiếm dụng đất đai của nguyên đơn để được bồi thường trực lợi và yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển Hồ sơ vụ án cho Công an điều tra, giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐcó ý kiến cho rằng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 35, 48, 68, 97, 195, 196 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định về trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án, để đảm bảo tính có căn cứ giải quyết, yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa theo điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự để hu thập tài liệu chứng cứ sau:

- Hồ sơ tài liệu liên quan đến việc ban quản lý dự án UBND huyện Cẩm Phả (nay là UBND huyện VĐ) bàn giao công trình đầm nuôi trồng thủy hải sản XK, xã HL và hồ sơ liên quan đến việc các ông N, ông X, ông N1 xin cấp diện tích 07ha đất nuôi trồng thủy hải sản.

- Hồ sơ , tài liệu liên quan đến việc cấp GCN QSDĐ đối với diện tích đất đã cấp cho gia đình ông Hoàng Văn L.

- Thu thập 02 bản đồ địa chính năm 2012 cấp cho gia đình Bà H và các ông N, ông N1, ông X.

- Sơ đồ thẩm định hiện trạng đất chưa thể hiện rõ hiện trường các thửa đất nằm ở vị trí nào và chưa rõ ranh giới là con đường có tọa độ bao nhiêu.

Với nội dung trên, tại bản án số 03/2023/DS-ST ngày 19/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện VĐđã quyết định: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 171, Điều 173, Điều 271, Điều 273 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H đối với các ông: Lê Quốc N, Lê Văn N1, Phạm Tuấn X bao gồm:

- Yêu cầu các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn L và Đỗ Thị H diện tích khoảng 05 ha đất đầm nuôi trồng thủy sản thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95 tờ bản đồ số 05 tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐhủy bỏ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 gồm: Quyết định số 601/QĐ –UBND ngày 18/5/2009 của UBND huyện VĐthu hồi diện tích 64.972,41m² của hộ ông Phạm Tuấn X; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐvề việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 kèm theo danh sách các hộ gia đình được bồi thường; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐvề việc thoái thu số tiền 566.228.000 đồng đã thu về Ngân sách Nhà nước; Quyết định số 3504/QĐ ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐvề việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Văn Đồn thu hồi các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 liên quan đến phần diện tích đầm khoảng 05 ha.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐthực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đầm đang tranh chấp khoảng 05 ha.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/02/2023 nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ liên quan đến việc xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của phần diện tích đất tranh chấp; đánh giá khách quan toàn diện các tài liệu chứng cứ; áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 1987, 1993, 2003, 2013 để xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn do nhận thanh lý từ Công ty XNK thủy sản Hà Nội và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/02/2023 Viện trưởng VKSND huyện VĐ quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ/KNPT-VKS-DS với nội dung kháng nghị bản án sơ thẩm về tố tụng, nhận định và nội dung tuyên án. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị H, nguyên đơn ông Hoàng Văn L, bà Đỗ Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị H là ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có quan điểm:

Đối với nội dung yêu cầu kháng cáo: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ liên quan đến việc xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của phần diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn; không đánh giá khách quan toàn diện các tài liệu chứng cứ; áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 1987, 1993, 2003, 2013 để xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn do nhận thanh lý từ Công ty XNK thủy sản Hà Nội Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng với các căn cứ: quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện với các nội dung:

- Yêu cầu các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn L và Đỗ Thị H diện tích khoảng 05 ha đất đầm nuôi trồng thủy sản thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95 tờ bản đồ số 05 tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐ hủy bỏ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 gồm: Quyết định số 601/QĐ –UBND ngày 18/5/2009 của UBND huyện VĐ thu hồi diện tích 64.972,41m² của hộ ông Phạm Tuấn X; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 kèm theo danh sách các hộ gia đình được bồi thường; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ về việc thoái thu số tiền 566.228.000 đồng đã thu về Ngân sách Nhà nước; Quyết định số 3504/QĐ ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Văn Đồn thu hồi các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 liên quan đến phân diện tích đầm khoảng 05 ha.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đầm đang tranh chấp khoảng 05 ha.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/9/2022 nguyên đơn đã có quan điểm thay đổi bổ sung và rút yêu cầu khởi kiện, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ các quyết định số 3502/QĐ-UBND; 3503/QĐ-UBND; 3504/QĐ-UBND đều ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, ông Lê Văn N1, ông Phạm Tuấn X là không đúng theo quy định, thu hồi trên diện tích đất mua thanh lý đầm của nhà Bà H. Cụ thể các diện tích đất chồng lấn tại thửa đất số 92, 93, 94, 95, tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 05; yêu cầu ông Lê Quốc N, ông Lê Văn N1, ông Phạm Tuấn X trả lại cho gia đình Bà H giá trị quyền sử dụng đất; yêu cầu UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất đầm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L bà Đỗ Thị H đúng quy định pháp luật; rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu UBND huyện VĐ thu hồi lại các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, ông Phạm Tuấn X, ông Lê Văn N1 liên quan đến diện tích đất đầm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H và rút lại yêu cầu hủy các quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 và quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không nhận định, đánh giá về việc thay đổi bổ sung và rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có quan điểm: đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện từ cấp sơ thẩm, đó là: không yêu cầu các bị đơn phải trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H diện tích khoảng 05 ha đất đầm nuôi trồng thủy sản thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95 tờ bản đồ số 05 tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh. Mà nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích đất đã được UBND huyện VĐ thu hồi và bồi thường cho các bị đơn đồng thời yêu cầu Tòa án hủy các quyết định số 3502, 3503, 3504, 601, 275 của UBND huyện VĐ. Rút lại các yêu cầu: Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Văn

Đồn thu hồi các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 liên quan đến phần diện tích đầm khoảng 05 ha; Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đầm đang tranh chấp khoảng 05 ha.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn ông Lê Quốc N và ông Lê Văn N1 không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như kháng nghị của Viện kiểm sát đã nêu nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện VĐ, hủy bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn xét thấy bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nguyên đơn thay đổi bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng bản án sơ thẩm không xem xét đánh giá các yêu cầu này của nguyên đơn do đó bản án sơ thẩm đã quyết định không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những vi phạm này của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đại diện VKSND tỉnh Quảng Ninh đề nghị: bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 19/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện VĐ có vi phạm về tố tụng, thu thập chứng cứ, hình thức bản án và nội dung tuyên án. Do kháng nghị phần thu thập chứng cứ, cấp phúc thẩm chưa thu thập, vì vậy không có căn cứ để giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn L, bà Đỗ Thị H và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện VĐ nằm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo, kháng nghị nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo và quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện VĐ, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai

của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 23/10/2019, nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H có đơn khởi kiện với nội dung:

- Yêu cầu các ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 trả lại cho vợ chồng ông Hoàng Văn L và Đỗ Thị H diện tích khoảng 05 ha đất đầm nuôi trồng thủy sản thuộc các thửa đất số 92, 93, 94, 95 tờ bản đồ số 05 tại khu vực nuôi trồng thủy sản XK, xã HL, huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐhủy bỏ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 gồm: Quyết định số 601/QĐ –UBND ngày 18/5/2009 của UBND huyện VĐthu hồi diện tích 64.972,41m² của hộ ông Phạm Tuấn X; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐvề việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1 kèm theo danh sách các hộ gia đình được bồi thường; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐvề việc thoái thu số tiền 566.228.000 đồng đã thu về Ngân sách Nhà nước; Quyết định số 3504/QĐ ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐvề việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐthu hồi các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 liên quan đến phần diện tích đầm đã nêu trên của gia đình ông bà L – H.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐthực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đầm nêu trên của gia đình ông bà đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ đơn khởi kiện kiện, Tòa án nhân dân huyện VĐđã thụ lý vụ án, tại Thông báo thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 02/7/2020 thể hiện những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm như nội dung yêu cầu khởi kiện theo Đơn khởi kiện ngày 23/10/2019 của ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 13/6/2022 (mở phiên tòa ngày 13/7/2022) thì quan điểm của nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện. Sau đó vì nhiều lý do mà phiên tòa phải hoãn nhiều lần. Ngày 20/9/2022, Tòa án nhân dân huyện VĐtiếp tục mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa ngày 20/9/2022 (BL 977), sau khi Chủ tọa phiên tòa hỏi nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện

không, ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền của Bà H trình bày yêu cầu sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

“- Sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện:

+ Hủy bỏ các quyết định số 3502/QĐ-UBND; 3503/QĐ-UBND; 3504/QĐ-UBND đều ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình ông Lê Quốc N, ông Lê Văn N1, ông Phạm Tuấn X là không đúng theo quy định, thu hồi trên diện tích đất mua thanh lý đầm của nhà Bà H. Cụ thể các diện tích đất trồng lúa tại thửa đất số 92, 93, 94, 95, tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 05;

+ Yêu cầu ông Lê Quốc N, ông Lê Văn N1, ông Phạm Tuấn X trả lại cho gia đình Bà H giá trị quyền sử dụng đất;

+ Yêu cầu UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất đầm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H đúng quy định pháp luật;

- Rút yêu cầu khởi kiện về việc:

+ Yêu cầu UBND huyện VĐ thu hồi lại các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, ông Phạm Tuấn X, ông Lê Văn N1 liên quan đến diện tích đất đầm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H

+ Yêu cầu hủy các quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 và quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 1”.

Bà Vũ Thị Nga là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông L Bà H có ý kiến trình bày: (BL 977)

“Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung như sau: yêu cầu Hủy bỏ các quyết định số 3502/QĐ-UBND; 3503/QĐ-UBND; 3504/QĐ-UBND đều ngày 02/10/2018 của UBND huyện VĐ; Quyết định 601/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND huyện VĐ; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 26/3/2009 của UBND huyện VĐ; Yêu cầu ông Lê Quốc N, ông Lê Văn N1, ông Phạm Tuấn X trả lại cho gia đình Bà H giá trị quyền sử dụng đất; Yêu cầu UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất đầm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H đúng quy định pháp luật;

Rút yêu cầu khởi kiện về việc: Yêu cầu UBND huyện VĐ thu hồi lại các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã chi trả cho ông Lê Quốc N, ông Phạm Tuấn X, ông Lê Văn N1 liên quan đến diện tích đất đầm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H”.

Tại phần trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người đại diện theo ủy quyền của Bà H là ông Nguyễn Văn M trình bày yêu cầu bị đơn trả lại cho gia đình Bà H giá trị quyền sử dụng đất và hủy bỏ các quyết định 3502, 3503, 3504 do UBND huyện VĐ xác định diện tích 64.972,41m² đất là của ông N, ông X, ông N1 là không đúng đối tượng nên ban hành các quyết định trên không đúng đối tượng là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L và Bà H.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H không có ý kiến bổ sung gì thêm, đồng ý với nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn M, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà H ông Lê Đình V đồng ý với nội dung trình bày của ông Mão, không bổ sung gì thêm.

Bà Vũ Thị Nga là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông L Bà H có ý kiến trình bày: (BL 976)

“yêu cầu UBND huyện VĐ thực hiện việc thu hồi đất đối với diện tích đất nằm nêu trên của gia đình ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H đúng quy định pháp luật; yêu cầu hủy bỏ các quyết định 3502, 3503, 3504 của UBND huyện VĐ do ban hành sai đối tượng, trái với quy định. Do UBND huyện VĐ ban hành các quyết định là trái pháp luật, nên các phần diện tích đất này không còn, đối tượng khởi kiện không còn. Nên yêu cầu ông Lê Quốc N, ông Phạm Tuấn X, ông Lê Văn N1 trả lại cho gia đình Bà H giá trị quyền sử dụng đất”.

Tại phiên tòa ngày 17/01/2023, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa chủ tọa hỏi nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện không nhưng không có quan điểm của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về vấn đề này.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của đương sự tại phiên tòa ngày 20/9/2022 và 17/01/2023, xét thấy yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn đã được nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm sửa đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng bản án sơ thẩm nhận định không xem xét, đánh giá đối với quan điểm phía nguyên đơn về việc sửa đổi, bổ sung rút yêu cầu khởi kiện và bản án sơ thẩm quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H đối với các ông Lê Quốc N, Lê Văn N1, Phạm Tuấn X bao gồm các yêu cầu như tại Đơn khởi kiện ngày 23/10/2019 và tại Thông báo thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 02/7/2020 của TAND huyện VĐ là không đúng với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VĐ hủy bỏ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Lê Quốc N, Phạm Tuấn X, Lê Văn N1 Xét thấy, Tòa án chỉ có thẩm quyền hủy các quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức chứ không có thẩm quyền quyết định buộc các cơ quan tổ chức phải hủy quyết định. Do đó, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Tòa án nhân dân huyện VĐ vẫn thụ lý và giải quyết là vi phạm. Lẽ ra, sau khi nhận đơn khởi kiện, Thẩm phán phải thông báo cho đương sự về việc sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này, nếu đương sự không sửa đổi bổ sung theo yêu cầu của Thẩm phán thì phải trả lại đơn theo quy định. Trong trường hợp này, Tòa án sơ thẩm đã không thông báo và không hướng dẫn cho đương sự sau khi nhận đơn khởi kiện để sửa đổi bổ sung nên đương sự không biết vì bản chất trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều có quan điểm đề nghị Tòa án hủy các quyết định trên của UBND huyện VĐ và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng có quan điểm do không hiểu pháp luật và không được Tòa án hướng dẫn còn bản chất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nêu trên của UBND huyện VĐ.

Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 về đình chính thu hồi đất của ông Phạm Tuấn X. Tuy nhiên đối với yêu cầu khởi kiện này Tòa án sơ thẩm cũng không xem xét giải quyết trong vụ án là vi phạm Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có quan điểm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy, nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Việc thay đổi bổ sung nội dung kháng cáo của nguyên đơn là vượt quá phạm vi kháng cáo. Tuy nhiên, như phân tích trên, do Tòa

án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên phải hủy bản án sơ thẩm do đó nội dung thay đổi bổ sung kháng cáo của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm cũng được xem xét chấp nhận. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy để xét xử sơ thẩm lại nên các nội dung kháng cáo, kháng nghị khác của nguyên đơn và của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VDHội đồng xét xử không xem xét.

[3] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chưa giải quyết, sẽ được tiếp tục xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm, đương sự có kháng cáo được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 và của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn L, bà Đỗ Thị H và chấp nhận kháng nghị theo quyết định kháng nghị số 02/QĐ/KNPT-VKS-DS ngày 03/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

Tuyên xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh về “*Tranh chấp đòi lại đất lấn chiếm, yêu cầu hủy các quyết định: thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, thoái thu tiền, yêu cầu thu hồi đất, yêu cầu thu hồi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng*” giữa nguyên đơn là ông Hoàng Văn L bà Đỗ Thị H với bị đơn ông Lê Quốc N, ông Lê Văn N1, ông Phạm Tuấn X.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chưa giải quyết và sẽ được tiếp tục xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Hoàng Văn L và bà Đỗ Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Đỗ Thị H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011166 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VĐ, tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND huyện VĐ;
- CCTHADS huyện VĐ;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thanh